

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/DS-PT
Ngày: 26/02/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Triều

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2024/TLPT-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2024, về: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 171/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Vĩnh T1, sinh năm 1982. Vắng mặt.

HKTT: 35 P, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: A T, khu phố G, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 là: Ông Nguyễn Huy P, sinh năm 1989. Có mặt.

Nơi thường trú: Thôn B, N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên hệ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hoàng E, sinh năm 1958. Có mặt.

HKTT: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông E là: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố G, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thanh D, sinh năm 1955. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: A đường T, khu phố G, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Vĩnh T1 – là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn ông Trần Vĩnh T1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 07/5/2021, mẹ ông là bà Trịnh Thanh D có nộp đơn xin cấp xác nhận việc bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Thông qua giới thiệu, ông được biết ông Huỳnh Hoàng E có mối quan hệ tốt tại địa phương có khả năng làm giấy tờ nhanh. Do đó, ông có liên hệ ông Huỳnh Hoàng E để ông thực hiện thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ngày 17/5/2021, ông Huỳnh Hoàng E có biên nhận hồ sơ thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi mới sổ cho mẹ ông là bà Trịnh Thanh D đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Trong biên nhận hồ sơ ngày 17/5/2021 ông Huỳnh Hoàng E có cam kết thời gian hoàn thành việc cấp lại sổ là 03 tháng, ngày ông chuyển khoản cho ông Huỳnh Hoàng E 100.000.000đồng. Ngày 29/5/2021 ông tiếp chuyển khoản cho ông Huỳnh Hoàng E 20.000.000đồng. Ngày 09/6/2021 ông tiếp tục chuyển khoản cho ông Huỳnh Hoàng E 20.000.000đồng. Ngày 20/6/2021 ông tiếp tục chuyển khoản cho ông Huỳnh Hoàng E 20.000.000đồng. Như vậy tổng cộng 4 lần ông đã chuyển khoản cho ông Huỳnh Hoàng E 160.000.000đồng có giấy ủy nhiệm chi kèm theo.

Sau khi hết thời gian như ông Huỳnh Hoàng E cam kết, ông đã nhiều lần liên hệ ông để xúc tiến công việc nhưng không nhận được phản hồi nào từ ông Huỳnh Hoàng E, cũng như không thấy được hiệu quả công việc mà ông làm để thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi mới sổ cho mẹ ông là bà Trịnh Thanh D. Tất cả những lần làm việc đều là do ông chủ động liên hệ ông Huỳnh Hoàng E, còn ông Huỳnh Hoàng E không có bất kỳ động thái chủ động nào cả. Do sự việc kéo dài 08 tháng nhưng ông Huỳnh Hoàng E vẫn không thực hiện được bất kỳ công việc nào cho ông. Trong thời gian này, ông cũng nhiều lần yêu cầu ông Huỳnh Hoàng E nếu không làm được thì hoàn trả tiền cho ông nhưng ông không trả. Vì lẽ đó, ngày 10/01/2022 ông có gửi thông báo cho ông Huỳnh Hoàng E tuyên bố hủy bỏ hợp đồng giữa ông và ông Huỳnh Hoàng E được thể hiện tại “Biên nhận hồ sơ” được ký giữa ông và ông ngày 17/5/2021. Yêu cầu ông Huỳnh Hoàng E hoàn trả cho ông số tiền 150.000.000đồng trước ngày 22/01/2022. Còn số tiền 10.000.000đồng chi trả cho ông Huỳnh Hoàng E công sức nghiên cứu hồ sơ. Tuy nhiên, cho đến nay ông vẫn không nhận được tiền hoàn trả từ ông Huỳnh Hoàng E.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy bỏ hợp đồng thực hiện công việc cấp lại giấy chứng nhận đã mất và cấp đổi sổ của cô Trịnh Thanh D được ký kết giữa ông Trần Vĩnh T1 và ông Huỳnh Hoàng E ngày 17/5/2021; Buộc ông Huỳnh Hoàng E hoàn trả cho ông Trần Vĩnh T1 số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm trên số tiền 150.000.000 đồng, tính từ ngày 10/01/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 37.035.000 đồng.

- Theo bị đơn ông Huỳnh Hoàng E và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Giữa ông và ông Trần Vĩnh T1 quen biết với nhau, ông T1 nhờ ông làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ngày 17/5/2021, ông và ông T1 ký Biên nhận hồ sơ để ông đi liên hệ xin cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ đã mất và cấp mới cho bà Trịnh Thanh D. Ông chỉ hứa là làm đến khi nào cấp lại giấy được cho bà Trịnh Thanh D nhưng không hứa thời gian cụ thể làm là bao lâu. Từ lúc ông nhận làm cho bà D thì khoảng 02 tháng có vụ việc là ở xã C đang thụ lý tranh chấp vấn đề mua bán về thửa đất mà ông đang nhận làm cho bà D. Và sau 02 tháng tiếp theo thì luật sư T2 lấy sổ đỏ của bà D cầm cố cho ông T2 nên ông T2 làm đơn gửi UBND xã C ngăn chặn không cho cấp sổ mới. Khi biết được sự việc đó ông có báo cho ông Trần Vĩnh T1 biết sự việc trên nhưng ông Trần Vĩnh T1 vẫn cho rằng là không có sự việc tranh chấp trên. Ông Trần Vĩnh T1 đã chuyển tiền cho ông tổng cộng 02 lần với số tiền là 160.000.000 đồng. Cụ thể: Lần thứ nhất là 100.000.000 đồng vào ngày nào thì ông không nhớ, qua tài khoản ngân hàng và lần thứ hai là 60.000.000 đồng vào ngày nào thì ông không nhớ, qua tài khoản ngân hàng. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Đồng thời có đơn phản tố yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ mà ông và ông T1 đã ký kết, ông không đồng ý trả lại số tiền 150.000.000 đồng mà ông T1 đã ứng cho ông. Sau đó ông có yêu cầu phản tố bổ sung, yêu cầu công nhận hợp đồng dịch vụ ngày 17/5/2021 giữa ông với ông T1 và bà Trịnh Thanh D. Buộc ông T1 và bà D phải trả cho ông số tiền còn lại 150.000.000 đồng theo hợp đồng dịch vụ ngày 17/5/2021.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thanh D trình bày: Trước đây, bà có bị thất lạc giấy CNQSD đất thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang trong quá trình giải quyết tranh chấp với ông Trần Vĩnh T1 là con ruột của bà. Sau đó bà có làm đơn có mất để xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Con bà là Trần Vĩnh T1 có nói sẽ hỗ trợ bà để xử lý, bà chỉ biết ông T1 nói vậy nhưng sau đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà đã lấy lại được thông qua việc khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang chứ không xin cấp lại, vì sau đó đã biết ai là người đang giữ sổ của bà. Bà cũng không rõ việc ông T1 và ông E có hợp đồng dịch vụ với nhau vì ông T1 chỉ nói là sẽ hỗ trợ bà xin cấp lại sổ mới. Hiện nay giấy chứng nhận bà đã nhận lại được bản cũ và đã chuyển nhượng phần đất nêu trên. Bà không biết ông E cũng như không có bất kỳ giấy tờ hợp đồng hoặc ủy quyền cho ông E cũng như không thấy hiệu quả công việc nào từ ông E. Việc thoả thuận giữa ông T1 với ông E là do các bên tự thoả thuận, bà không biết. Do vậy, bà không liên quan đến tranh chấp nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh T1 đối với ông Huỳnh Hoàng E về việc huỷ hợp đồng thực hiện công việc cấp lại giấy chứng nhận đã mất và cấp đổi sổ của bà Trịnh Thanh D được ký kết giữa ông Trần Vĩnh T1 và ông Huỳnh Hoàng E ngày 17/5/2021, buộc ông Huỳnh Hoàng E trả lại số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi 37.035.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hoàng E đối với ông Trần Vĩnh T1.

Công nhận Hợp đồng dịch vụ ký giữa ông Trần Vĩnh T1 với ông Huỳnh Hoàng E dưới hình thức Biên nhận hồ sơ ngày 17/5/2021.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hoàng E về việc huỷ Hợp đồng dịch vụ ký giữa ông Trần Vĩnh T1 với ông Huỳnh Hoàng E dưới hình thức Biên nhận hồ sơ ngày 17/5/2021 và yêu cầu buộc ông Trần Vĩnh T1 trả tiếp số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/10/2024 nguyên đơn ông Trần Vĩnh T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm nhận định giấy chứng nhận ông T2 đang giữ là do ông T1 cầm cố là không có cơ sở vì không có gì chứng minh. Thời điểm ông T1 hợp đồng dịch vụ với ông E thì đất và sổ không có tranh chấp. Sau khi có đơn ngăn chặn của bà M1 thì ông E vẫn tạm ứng thêm tiền. Ông E không làm được bất kỳ công việc gì trong thời hạn cam kết là 3 tháng. Tiền ông T1 đưa cho ông E là tiền tạm ứng chứ không phải tiền thanh toán, trong hợp đồng cũng không có điều khoản phạt về việc mất tiền tạm ứng trong trường hợp nào. Bản án sơ thẩm áp dụng các điều luật chưa chính xác. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên hủy bỏ hợp đồng thực hiện công việc ngày 17/5/2021, buộc ông E trả cho ông T1 150.000.000đ và lãi suất 10%/năm từ ngày 10/01/2022 đến ngày xử sơ thẩm 30/9/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- ***Nguyên đơn trình bày:*** Như lời khai tại cấp sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

- ***Bị đơn trình bày:*** Bản án sơ thẩm xét xử là đúng, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và hướng đề nghị giải quyết: Ông Hoàng E không thực hiện được thỏa thuận là do ông T1 cung cấp thông tin không đúng, nên không có cơ sở buộc ông Hoàng E trả tiền lại cho ông T1. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T1. Giữ nguyên Bản án dân sự

sơ thẩm số 171/2024/DS-ST, ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án như sau*: Giữa ông Huỳnh Hoàng E với ông Trần Vĩnh T1, bà Trịnh Thanh D theo giấy “Biên nhận hồ sơ ngày 17/5/2021” theo nội dung thì: *ông E nhận hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đã mất và cấp đổi mới với giá tiền là 300.000.000đ. Đồng thời ông T1 và bà D cam kết đất và sổ không tranh chấp, thời gian hoàn thành hồ sơ là 3 tháng là có sổ cấp mới, nếu không hoàn thành thì ông E trả lại tiền đã nhận của ông T1.* (BL 06). Ông T1 đã chuyển khoản cho ông Hoàng E tổng số tiền là 160.000.000đ. Ông E cũng thừa nhận có nhận số tiền này.

Nguồn gốc sự việc như sau: Năm 2017, ông Trần Văn V (là cha ruột của ông T1) khởi kiện bà Trịnh Thanh D (là mẹ ruột của ông T1) tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và đòi tài sản. Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc thụ lý số 75/2017/TLST-DS ngày 12/5/2017 có người đại diện theo uỷ quyền của ông V là ông Nguyễn Văn T2. Đến ngày 05/11/2018, vụ án chuyển thẩm quyền cho Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết, sau đó thì đình chỉ theo Quyết định số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2021.

Ngày 03/11/2021, ông Nguyễn Văn T2 khởi kiện ông Trần Vĩnh T1, bà Trương Thị Ánh M và ông Trần Văn V và được Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc thụ lý. Yêu cầu vợ chồng ông T1, bà M và ông V phải trả lại cho ông số tiền thẩm định đo đạc, định giá tài sản mà ông T2 đã nộp 30.000.000 đồng; 10.000.000 đồng tiền hỗ trợ đi lại thẩm định 05 thửa đất; tiền hỗ trợ tư pháp 5.000.000 đồng theo quyết định đình chỉ số 16 (như nêu trên); tiền thù lao 500.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu vợ chồng ông T1, bà M và ông V phải trả 545.000.000 đồng.

Ngày 30/3/2022, bà Trịnh Thanh D khởi kiện ông Nguyễn Văn T2 tại Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang (do ông Trần Vĩnh T1 đại diện) thụ lý số 19/2022/TLST-DS về việc Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp C, xã C, P do bà D đứng tên giấy CNQSD đất. Tại biên bản hoà giải ngày 18/8/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang, ông T1 và ông T2 thống nhất thoả thuận: *Ông T1 đồng ý giao cho ông T2 số tiền 340.000.000 đồng. Ông T2 có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thanh D đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Sau khi thực hiện xong thoả thuận, ông T2 rút đơn khởi kiện trong vụ án*

dân sự sơ thẩm thụ lý số 258/2021/TLST-DS ngày 03/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc. Ông T1 rút đơn khởi kiện, ông T2 rút đơn phản tố tại vụ án dân sự thụ lý số 19/2022/TLST-DS ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Vào ngày 23/8/2022 các bên thực hiện giao nhận tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thanh D đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang”.

Ngày 23/8/2022, ông T1 đại diện cho bà D rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T2 trong vụ án do Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý số 19/2022/TLST-DS, ngày 30/3/2022 và rút yêu cầu phản tố trong vụ án dân sự thụ lý số 258/2021/TLST-DS của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc. Ông T2 cũng rút yêu cầu khởi kiện ông T1 trong vụ án này nên cả hai vụ án đã có quyết định đình chỉ giải quyết.

Ông T2 cho rằng trong vụ án ông Trần Văn V khởi kiện và Trịnh Thanh D được tòa án thụ lý ngày 12/5/2017 thì ông T1 đã cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thanh D để vay của ông T2 số tiền là 300.000.000 đồng. Do ông T1 không trả lại số tiền này cũng như chi phí tố tụng và thù lao khi ông T2 làm đại diện uỷ quyền cho ông V nên đã khởi kiện đến Tòa án P như trên. Cho nên khi biết bà D và ông T1 làm đơn có mất giấy CNQSD đất tại UBND xã C thì ông T2 có đơn ngăn chặn, ngày 15/7/2021 UBND xã C nhận được đơn ngăn chặn của ông T2. Do đó, ngày 30/11/2021, UBND xã C đã ban hành văn bản số 217/CV-UB về việc trả lời đơn có mất giấy CNQSD đất của bà Trịnh Thanh D kết luận việc có mất giấy CNQSD đất của bà D thì UBND xã không thực hiện được với lý do vì giấy CNQSD đất nói trên thực tế không bị mất (do ông Nguyễn Văn T2 đang giữ) nên UBND xã không thực hiện thủ tục xác nhận cấp lại giấy. Đồng thời, tại biên bản làm việc ngày 08/9/2021 của UBND xã C thể hiện ngày 07/6/2021 có nhận đơn ngăn chặn cấp giấy CNQSD đất của bà Nguyễn Hồng M1 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, diện tích 11.439,4m² do bà Trịnh Thanh D đứng tên.

[3] *Xét kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1, HĐXX phúc thẩm xét thấy như sau:* Căn cứ theo “Biên nhận hồ sơ ngày 17/5/2021” được lập thành văn bản là sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông T1 với ông Hoàng E. Theo đó ông Hoàng E nhận thực hiện công việc cho ông T1 và được ông T1 trả tiền thù lao là phù hợp quy định tại Điều 119, 513 BLDS năm 2015.

Ông T1 cam kết với ông Hoàng E đất và sổ không tranh chấp nhưng thực tế đất có tranh chấp với bà Nguyễn Hồng M1 và giấy CNQSD đất của bà D do ông T2 giữ mà không bị mất hay thất lạc, nên ông T1 có vi phạm việc thỏa thuận và cam kết. Lý do ông Huỳnh Hoàng E không thể làm lại giấy CNQSD đất cho bà D là có yếu tố khách quan, vì trên thực tế giấy CNQSD đất của bà D không bị mất nên cơ quan có thẩm quyền không chấp nhận thủ tục xin cấp mới, ngoài ra đất có tranh chấp với bà M1. Vì vậy ông Hoàng E không vi phạm cam kết nên không có lỗi trong việc thỏa thuận cam kết này.

Về tiền thù lao thực hiện công việc, ông T1 và ông Hoàng E thống nhất xác nhận chi phí hoàn thành công việc là 300.000.000 đồng và tổng số tiền ông T1 đã 04 lần chuyển khoản cho ông Hoàng E ứng trước để ông Hoàng E thực hiện công việc theo thỏa thuận là 160.000.000 đồng, nhưng ông T1 chỉ yêu cầu ông Hoàng E trả lại số tiền là 150.000.000đ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, theo nội dung thỏa thuận thì không có nội dung thỏa thuận về việc ông T1 được yêu cầu ông Hoàng E hoàn trả lại tiền ứng trước cũng như trả tiền lãi trong quá trình thực hiện công việc do lỗi khách quan, hơn nữa lỗi dẫn đến việc ông Hoàng E không thực hiện được công việc là do ông T1 không trung thực khi cung cấp thông tin, cam kết không đúng. Hơn nữa, trong quá trình thực hiện công việc thì ông Hoàng E cũng đã chi trả và sử dụng hết số tiền vào mục đích thực hiện công việc xin cấp sổ, nên không có cơ sở buộc ông Hoàng E trả lại số tiền đã nhận cho ông T1. Vì vậy, bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2024/DS-ST, ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[5] *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Trần Vĩnh T1 phải chịu án phí tổng cộng 9.651.750 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp 4.050.000 đồng theo biên lai thu số 0006235 ngày 06/3/2023 và 593.750 đồng theo biên lai thu số 0000180 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Theo đó, ông T1 phải nộp thêm số tiền là 5.008.000 đồng.

Ông Huỳnh Hoàng E không phải chịu án phí.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Là 300.000đ, buộc ông Trần Vĩnh T1 phải nộp do kháng cáo không được chấp nhận và được khấu trừ vào tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 351, 513 Bộ luật Dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2024/DS-ST, ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh T1 đối với ông Huỳnh Hoàng E về việc huỷ hợp đồng thực hiện công việc cấp lại giấy chứng nhận đã mất và cấp đổi sổ của bà Trịnh Thanh D được ký kết giữa ông Trần Vĩnh T1 và ông Huỳnh Hoàng E ngày 17/5/2021 và buộc ông Huỳnh Hoàng E trả lại số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi 37.035.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hoàng E đối với ông Trần Vĩnh T1. Công nhận Hợp đồng dịch vụ ký giữa ông Trần Vĩnh T1 với ông Huỳnh Hoàng E dưới hình thức Biên nhận hồ sơ ngày 17/5/2021.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hoàng E về việc huỷ Hợp đồng dịch vụ ký giữa ông Trần Vĩnh T1 với ông Huỳnh Hoàng E dưới hình thức Biên nhận hồ sơ ngày 17/5/2021 và yêu cầu buộc ông Trần Vĩnh T1 trả tiếp số tiền 150.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Vĩnh T1 phải chịu án phí tổng cộng 9.651.750 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp 4.050.000 đồng theo biên lai thu số 0006235 ngày 06/3/2023 và 593.750 đồng theo biên lai thu số 0000180 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Theo đó, ông T1 phải nộp thêm số tiền là 5.008.000 đồng.

Ông Huỳnh Hoàng E không phải chịu án phí.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Là 300.000đ. Buộc ông Trần Vĩnh T1 phải nộp và được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0006697 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Trâm Anh

Võ Minh Triều

Đặng Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Phú Quốc;
- THA dân sự Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân